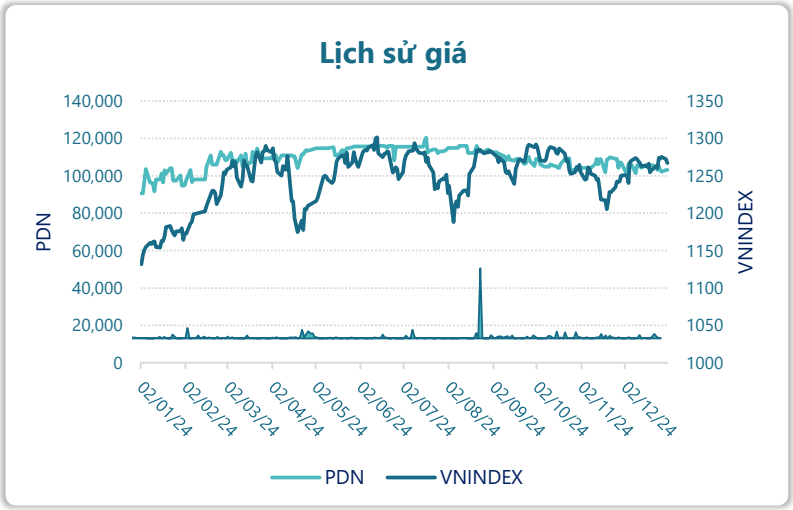
FireAnt

CTCP Cảng Đồng Nai (HSX: PDN)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**105,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	120,388
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	90,609
SL cổ phiếu LH	37,043,908
KLGD BQ 20 phiên (CP)	960
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,890
P/E	11.2
EPS	9,377

DT thuần

Q4/24

369

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 36.0| 10.9%

YoY: ▲ 34.0| 10.2%

LN sau thuế

Q4/24

86.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.20| -3.5%

YoY: ▲ 6.40| 8.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

33.0%

+/- YoY: ▲ 0.5%

DT thuần

2024

1,337

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 170| 14.6%

LN sau thuế

2024

347

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 52.0| 17.9%

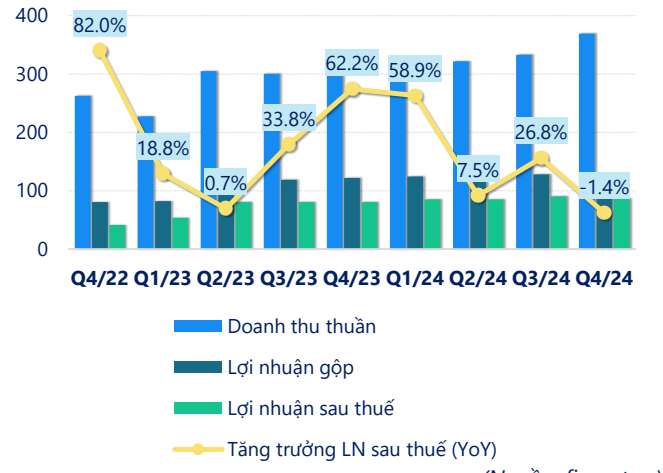
ROE

2024

31.0%

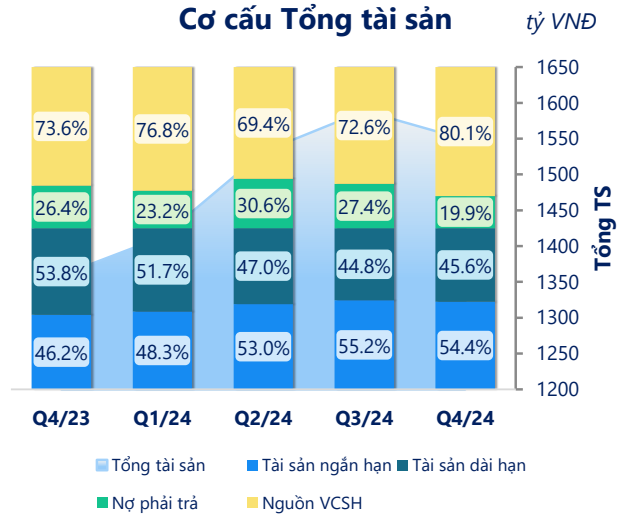
+/- YoY: ▼ 1.2%

Kết quả kinh doanh



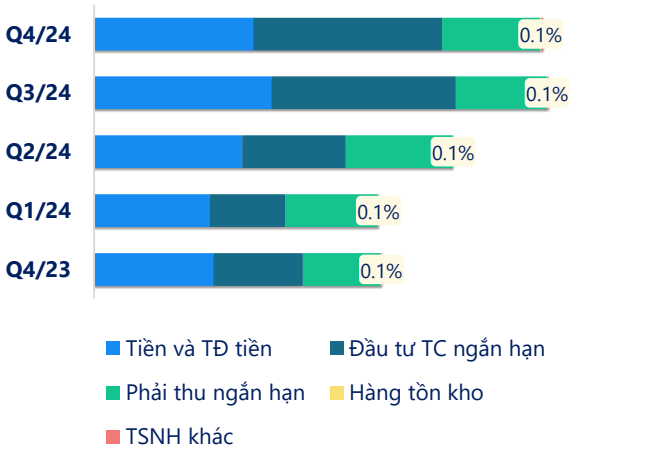
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



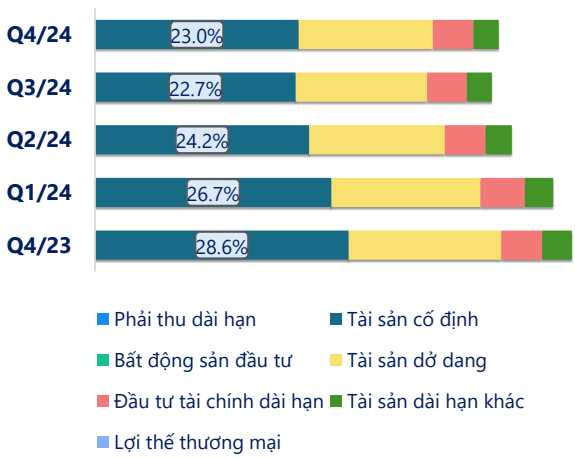
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



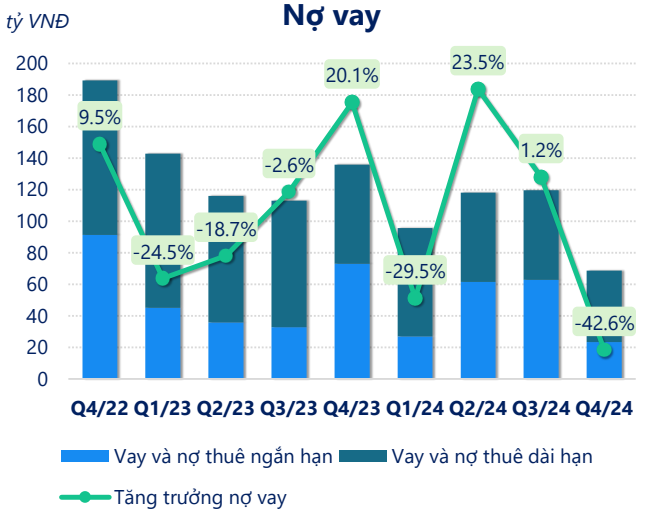
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



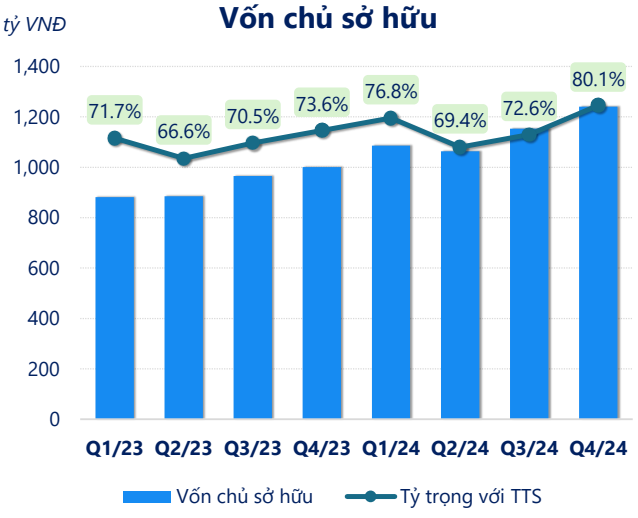
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



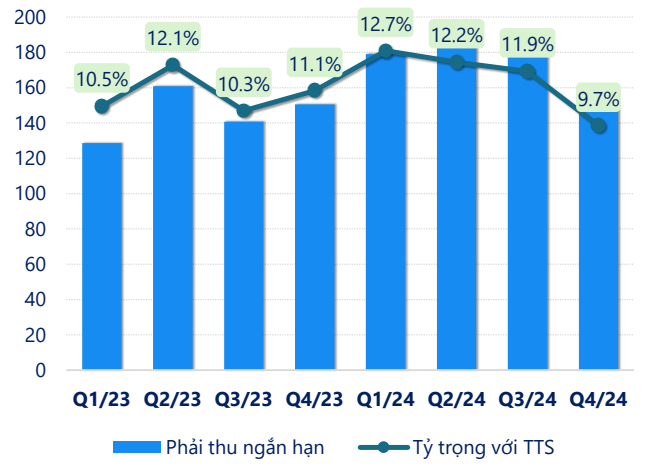
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



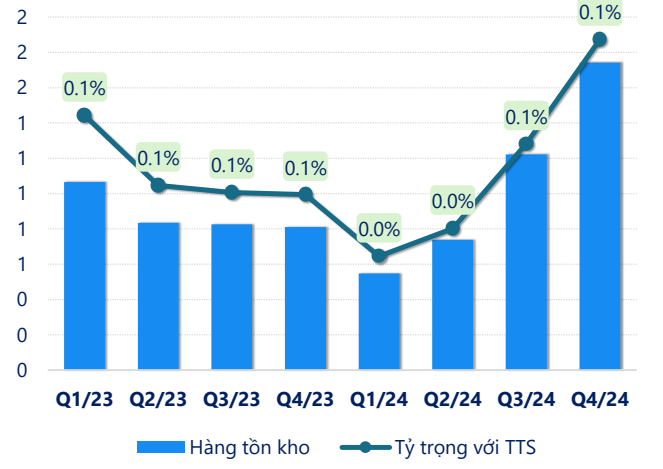
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



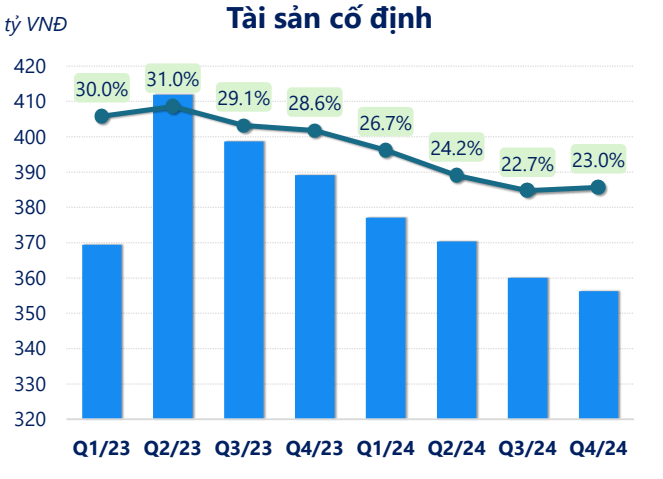
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



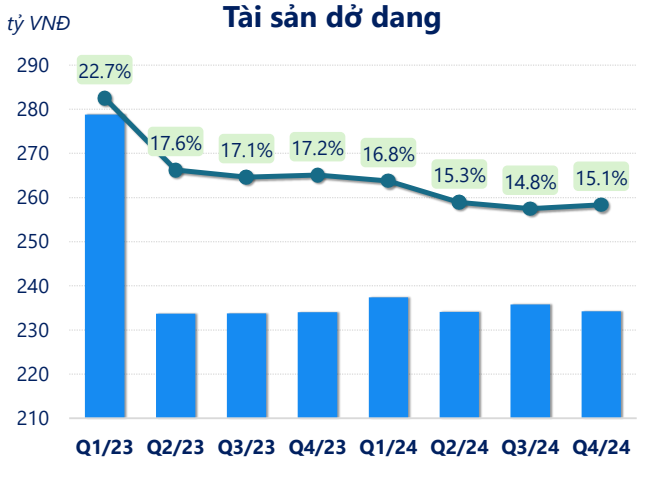
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



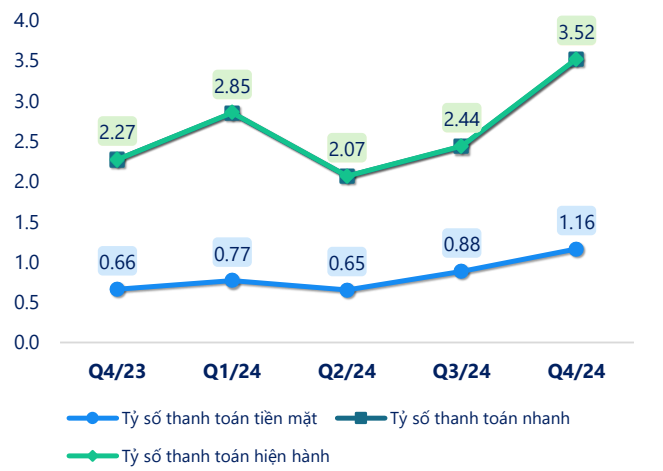
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



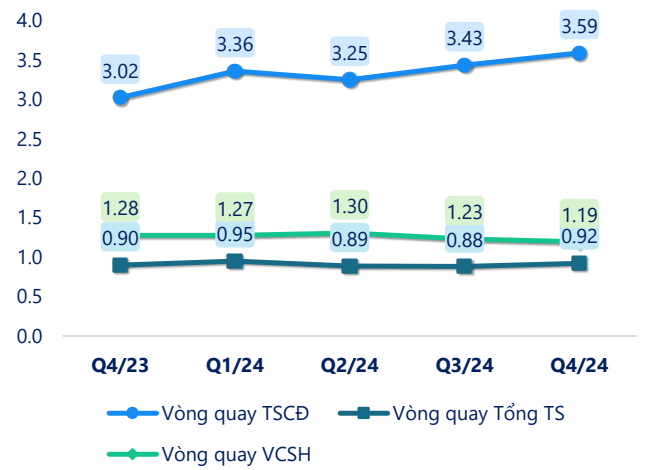
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,359**	**1,413**	**1,532**	**1,589**	**1,549**
Tài sản ngắn hạn	**628**	**682**	**811**	**877**	**843**
Tiền và tương đương tiền	183	184	256	317	278
Đầu tư tài chính ngắn hạn	290	317	362	368	413
Phải thu ngắn hạn	151	179	187	188	150
Hàng tồn kho	0.81	0.55	0.74	1.22	1.74
Tài sản ngắn hạn khác	3.77	1.45	5.33	2.69	0.43
Tài sản dài hạn	**731**	**731**	**720**	**711**	**706**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	389	377	370	360	356
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	234	237	234	236	234
Đầu tư tài chính dài hạn	62.6	71.0	71.0	71.0	71.0
Tài sản dài hạn khác	45.6	45.2	44.9	44.6	44.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**358**	**327**	**469**	**436**	**309**
Nợ ngắn hạn	**276**	**239**	**392**	**360**	**239**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	73.0	27.0	61.4	62.9	23.5
Phải trả người bán ngắn hạn	80.7	95.9	108	120	91.1
Nợ dài hạn	82.4	88.2	76.4	76.4	69.8
Vay và nợ thuê dài hạn	62.8	68.7	56.8	56.8	45.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,001**	**1,085**	**1,063**	**1,153**	**1,240**
Vốn chủ sở hữu	**1,001**	**1,085**	**1,063**	**1,153**	**1,240**
Vốn điều lệ	370	370	370	370	370
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)